

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Chương trình 135 quý III năm 2019 trên địa bàn huyện Chư Sê.

Thực hiện công văn số 728/BDT-CSKH ngày 06/9/2019 của Ban Dân tộc tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện Chương trình 135 quý III năm 2019. Sau khi chỉ đạo các phòng ban chuyên môn của huyện phối hợp với UBND các xã kiểm tra, rà soát, UBND huyện Chư Sê báo cáo tình hình thực hiện Chương trình 135 quý III năm 2019 trên địa bàn huyện Chư Sê như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH:

1. Đặc điểm Chương trình 135 của huyện:

Chư Sê là một huyện miền núi có 16 dân tộc cùng sinh sống với số hộ dân trên 28.029 hộ; trong đó ĐBDTTS trên 12.137 hộ (chiếm 45,47% dân số; chủ yếu là dân tộc Jrai và BaNar). Các dân tộc đều có nền văn hoá lâu đời thể hiện qua kiến trúc nhà rông, nhà sàn, nhà mồ, qua lễ hội truyền thống, qua y phục và nhạc cụ. Hiện nay, các DTTS tại chỗ trên địa bàn huyện không còn cư trú theo lãnh thổ tộc người riêng biệt mà sinh sống xen kẽ, đan xen nhau, có sự giao lưu về văn hóa với người Kinh và các DTTS từ miền Trung, miền Bắc đến sinh cơ lập nghiệp.

Theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ, hiện nay huyện còn 03 xã, thị trấn khu vực I, 03 xã khu vực III và 20 làng ĐBKK của 09 xã khu vực II. Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước về đầu tư, thực hiện các chương trình, chính sách tại các thôn, làng vùng khó khăn, đời sống của người dân nơi đây đã được cải thiện đáng kể cả về vật chất và tinh thần. Diện mạo nông thôn đang có nhiều thay đổi, kết cấu hạ tầng nông thôn ngày càng đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu phát triển kinh tế và nâng cao đời sống mọi mặt của người dân. Đến nay, đã có 100% đường ô tô được thảm nhựa đến tất cả các xã, 100% xã có điện đến trung tâm xã, trên 90% hộ dùng điện lưới quốc gia; số hộ được sử dụng nước sạch tại vùng nông thôn trung bình đạt 88,5 %, số hộ đồng bào xem được truyền hình là 80%; số hộ đói, hộ nghèo giảm đáng kể. Những giá trị văn hóa của ĐBDTTS trên địa bàn tiếp tục được bảo tồn và phát huy; an ninh chính trị và trật tự xã hội được giữ vững.

2. Công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện:

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2016 – 2020; Thông tư số 01/2017/UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban dân tộc quy định chi tiết Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình Mục tiêu

quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2016 – 2020; Quyết định 208/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Quyết định 113/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao vốn sự nghiệp, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019 Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định phân bổ chi tiết nguồn vốn ngân sách thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019 cho các đơn vị triển khai thực hiện.

- *Nguyên tắc phân bổ vốn:* Đối với hợp phần dự án đầu tư cơ sở hạ tầng 100 triệu đồng/xã/năm; 200 triệu đồng/thôn/năm. Hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất 300 triệu đồng/xã/năm; 50 triệu đồng/thôn/năm.

- *Thực hiện phân khai vốn:* Trên cơ sở tổng mức vốn của Chương trình được tỉnh phân bổ, Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các xã, thị trấn được thụ hưởng chương trình tiến hành bình xét các đối tượng thụ hưởng đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ, chính xác ngay từ dưới thôn, làng. Các dự án, chính sách được bố trí vốn phải nằm trong quy hoạch và xuất phát từ nhu cầu bức thiết của nhân dân.

- *Phân cấp quản lý thực hiện:* Trên cơ sở nguồn vốn được phân khai hằng năm Ủy ban nhân dân huyện giao cho phòng chuyên môn của huyện tiến hành thẩm định dự toán các hạng mục. Công tác chỉ định thầu các đơn vị tư vấn, thi công giao cho đơn vị được phân cấp giao làm chủ đầu tư quyết định.

- *Phân cấp cho xã làm chủ đầu tư:*

+ Hợp phần đầu cơ sở hạ tầng và hợp phần duy tu bảo dưỡng công trình: Thực hiện Thông tư số 01/2017/UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban dân tộc. Ủy ban nhân dân huyện đã giao cho Ban quản lý dự án làm chủ đầu tư.

+ Hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất: Do UBND các xã làm chủ đầu tư.

- *Công tác tuyên truyền về Chương trình 135:* Chỉ đạo phòng Dân tộc của huyện phối kết hợp với Ban quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia thụ hưởng Chương trình 135 tăng cường công tác tuyên truyền đến người dân; hầu hết người dân trên địa bàn được hưởng lợi đều biết về Chương trình và chủ động tham gia trong việc lập kế hoạch, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình.

b. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện:

Phổ biến sâu rộng cho nhân dân biết về nội dung, đối tượng hưởng lợi bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao vai trò của người dân trong việc giám sát tiến độ, chất lượng thi công các công trình đầu tư cơ sở hạ tầng và giám sát đánh giá hiệu quả các nội dung triển khai hỗ trợ phát triển sản xuất.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135:

1.. Tình hình thực hiện năm 2019:

1.1. Tiểu dự án đầu tư cơ sở hạ tầng:

Hiện nay huyện đã thực hiện theo Quyết định 208/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, năm 2019

huyện được phân bổ 7.723 triệu đồng trong đó vốn TW 7.023 triệu đồng, vốn địa phương 702 triệu đồng .

Để thực hiện 05 công trình ĐTCSHT các xã ĐBKK thực hiện 13 công trình hỗ trợ đầu tư CSHT các thôn làng ĐBKK, hiện tại huyện ước thực hiện được 74% kế hoạch *(có biểu mẫu kèm theo)*

Thực hiện quyết định 113/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh Gia Lai Về việc giao vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019 huyện được phân bổ 3.172 triệu đồng, Trong đó: Vốn TW 2.943 Triệu đồng, vốn địa phương là 229 triệu đồng.

Để hỗ trợ duy tu bảo dưỡng 3 công trình cơ sở hạ tầng các xã ĐBKK số tiền là 543 triệu đồng trong đó ngân sách TW 494 triệu đồng, ngân sách địa phương 49 triệu đồng hiện chưa thực hiện được *(có biểu mẫu kèm theo)*

Hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ĐBKK các thôn làng ĐBKK số tiền là 1.751 triệu đồng huyện đã phân bổ nguồn vốn về cho các xã ĐBKK và các thôn làng ĐBKK triển khai thực hiện, đến nay các xã đang triển khai thực hiện ước thực hiện được trên 27% kế hoạch giao.*(có biểu mẫu kèm theo)*

Hỗ trợ thực hiện dự án nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở: số tiền là 230 triệu đồng. Huyện đã phân bổ nguồn vốn này cho đơn vị chuyên môn hiện nay đang triển khai thực hiện sẽ hoàn thành trước 30/9/2019.*(có biểu mẫu kèm theo)*

Hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài chương trình 30a

Năm 2019 huyện Chư Sê được phân bổ 466 triệu đồng và đã phân bổ nguồn vốn về cho các xã hiện đã thực hiện trên 27% kế hoạch

Hỗ trợ dự án nâng cao năng lực và giám sát đánh giá thực hiện chương trình số tiền là 122 triệu đồng đã thực hiện được 54%.

Hỗ trợ hoạt động truyền thông về giảm nghèo số tiền là 60 triệu đồng *hiện đã thực hiện được 55%.*

2. Đánh giá kết quả lồng ghép, huy động nguồn lực nhằm thực hiện đồng bộ các nội dung của Chương trình 135.

Để thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ trên địa bàn, phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội tổng hợp của Chương trình, huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch đầu tư hợp lý, thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ các chương trình, dự án khác kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135, ngân sách địa phương và nguồn lực của cộng đồng để đầu tư xây dựng như: Định canh định cư, nông thôn mới... Nhờ nguồn vốn đầu tư lồng ghép của các chương trình, dự án, cơ sở hạ tầng ở các xã, thôn làng đặc biệt khó khăn đã được cải thiện, từng bước đáp ứng nhu cầu của người dân, là tiền đề quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng khó khăn.

3. Đánh giá tác động của Chương trình 135

- *Về phát triển sản xuất:* Thông qua việc hỗ trợ đầu tư đã góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, diện mạo nông thôn, miền núi của huyện đã có sự đổi thay đáng kể. Việc triển khai thực hiện các chương trình đều có sự thống nhất giữa đơn vị đầu tư và chính quyền, đoàn thể địa phương (xã, thôn, làng) được nhân dân và chính quyền ủng hộ, đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân, góp phần tạo điều kiện cho phát triển kinh tế xã hội, sản xuất và ổn định đời sống cho nhân dân các xã, làng ĐBKK nói riêng và của huyện nói chung. Các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất đã góp phần tăng gia sản xuất, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho nhân dân.

- *Về cơ sở hạ tầng:* Các công trình sau khi nghiệm thu và đưa vào sử dụng đã phát huy được hiệu quả và phù hợp với nguyện vọng của người dân: 100% xã, thị trấn có đường giao thông cho xe cơ giới (từ xe máy trở lên đến trung tâm thôn, làng); 100% thôn, làng có điện sinh hoạt.

- *Về y tế chăm sóc sức khỏe cho nhân dân:* Công tác phòng, chống và kiểm tra giám sát tình hình dịch bệnh trên địa bàn thường xuyên được quan tâm, đặc biệt làng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, không để xảy ra dịch bệnh trên địa bàn. Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và Bảo hiểm xã hội huyện cấp thẻ BHYT cho người đồng bào dân tộc thiểu số và người Kinh sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đầy đủ, kịp thời. Đến nay, hệ thống khám chữa bệnh từ huyện đến cơ sở được củng cố và phát triển, đội ngũ cán bộ y bác sỹ, trang thiết bị y tế được đầu tư đúng mức, bước đầu đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh, chất lượng khám chữa bệnh được nâng cao.

- *Về giáo dục:* Quy mô trường, lớp tăng và phát triển đều ở các cấp học, đáp ứng được nhu cầu học tập ngày càng cao của học sinh người ĐBDTTS; Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2018- 2019, tỷ lệ học sinh khá, giỏi tăng so với năm học trước; Huyện đã chỉ đạo ngành giáo dục tổ chức tốt ngày tựu trường, ngày học chính thức và khai giảng năm học 2019-2020 theo đúng thời gian quy định. Huyện đã triển khai nhiều biện pháp huy động học sinh đến lớp nên tỷ lệ học sinh đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số bỏ học có giảm so với năm học trước.

- *Về văn hoá thông tin:* Thực hiện tốt công tác tuyên truyền thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao. Thông tin, phổ biến kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên sóng phát thanh và bản tin truyền hình địa phương như tuyên truyền luật, tuyên truyền các ngày lễ,...

- *Về chính trị vùng nông thôn:* Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở ngày càng được nâng cao, hệ thống chính trị cơ sở ngày càng được củng cố và tăng cường; khối đại đoàn kết dân tộc được giữ vững và phát huy, vận động nhân dân vùng dân tộc tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước. Thông qua các cuộc vận động, đồng bào dân tộc thiểu số phấn khởi và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; đồng thời, nâng cao cảnh giác trước những âm mưu phá hoại của kẻ thù; vận động đồng bào các dân tộc đoàn kết, góp phần giữ vững ổn định an ninh, chính trị trên địa bàn huyện.

4. Khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị:

4.1. Những khó khăn, vướng mắc:

- Huy động sự đóng góp của nhân dân còn quá ít, sự tham gia đóng góp của người dân trên địa bàn hưởng lợi rất thấp, nhiều địa phương không huy động được ngay công nào, mặc dù có nhiều công việc người lao động bình thường có thể tham gia như: đào đất đá, vận chuyển vật liệu... Chưa có công trình nào xã đứng ra tổ chức cho dân làm, thậm chí ngay cả khi xã làm chủ đầu tư.

- Việc triển khai thực hiện hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất cho người dân chỉ mang tính tình thế, không đáp ứng nhu cầu thực tế trong sản xuất tạo thu nhập cho hộ nghèo.

- Đối tượng tham gia được hưởng lợi từ chương trình phần lớn là các hộ nghèo, hộ ĐBDT thiếu số đời sống khó khăn, nhận thức còn nhiều hạn chế nên việc truyền đạt thông tin, hướng dẫn kỹ thuật còn gặp nhiều khó khăn.

- Một số cán bộ ở cơ sở chưa nắm đầy đủ nội dung và ý nghĩa của việc triển khai Chương trình 135 nên việc theo dõi, chỉ đạo chương trình đôi lúc còn chưa sâu sát, chưa bố trí được cán bộ chuyên trách theo dõi Chương trình.

4.2. Đề xuất, kiến nghị:

- Đề nghị UBND tỉnh và các ban ngành ở tỉnh cần quan tâm, tiếp tục đầu tư, hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Chương trình 135 quý III năm 2019 trên địa bàn huyện. UBND huyện báo cáo để Ban dân tộc tỉnh biết./.

Nơi nhận:

- Ban Dân tộc tỉnh (B/c);
- TT HU, TT HĐND huyện (B/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP;
- Các phòng ban, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NL, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Kpui H' Blê

Biểu số 01

UBND huyện Chư Sê

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG CHƯƠNG TRÌNH 135 QUÝ III NĂM 2019

(Kèm theo báo cáo số 479 ngày 30/9/2019 của UBND huyện Chư Sê)

Số TT	Tên loại công trình	Số lượng công trình	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn (tr. đ)				Tình hình thực hiện				Số công trình hoàn thành	Ghi chú
				Vốn NSTU (CT 135)	Vốn NSDP	Vốn Dân đóng góp (quy đổi)	Vốn lồng ghép, vốn khác	Kế hoạch giao	Khối lượng hoàn thành	Vốn thực hiện (theo đối bằng số tiền)	Vốn giải ngân (%)		
1	2	3	(4=5+6+7+8)	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	DỰ ÁN ĐẦU TƯ												
1	Trả nợ các công trình đã quyết toán												
	Công trình giao thông												
	Công trình thủy lợi												
													
2	Thanh toán các công trình hoàn thành												
	Công trình giao thông												
	Công trình thủy lợi												
3	Bổ trí vốn cho các công trình chuyển tiếp												
	Công trình giao thông												
	Công trình thủy lợi												
	Công trình điện												
4	Công trình khởi công mới												
	Công trình giao thông	18	8.577	7821	702	54		7723		5685	74.0	4	
	Công trình thủy lợi												
II	DỰ ÁN SỰ NGHIỆP												
	Duy tu bảo dưỡng công trình												
	Công trình giao thông	3	543	494	49			494		0			
	Sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng												

BIỂU SỐ 02: DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH 135
(Kèm theo Báo cáo số 474/BC-UBND ngày 30/9/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Chư Sê)

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)				Vốn giải ngân (triệu đồng)	Số hộ hưởng lợi
					NSTW (CT 135)	NSDP	Dân đóng góp	Lòng ghép		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Đại gia xúc	Con	140		1924.6		242.51			140
2	Gia xúc	Con								
3	Gia cầm	Con								
4	Thủy sản/khác	Con								
5	Giống cây lương thực	Kg								
6	Giống cây ăn quả	Cây	5805		292.4		33.75			135
7	Giống cây công nghiệp	Cây								
8	Giống cây khác	Kg								
9	Chuồng trại chăn nuôi	Chuồng	52		36.4		8.43			52
10	Thức ăn chăn nuôi	Tấn								
11	Máy móc thiết bị	Cái								
12	Xăng dầu	Lít								
13	Phân bón các loại	Tấn								
14	Thuốc BVTV	Liều								
15	Thuốc thú y	Liều								
16	Mô hình PTSX	Mô hình								
17	Tham quan học tập	Người								
18	Đào tạo nghề, tập huấn	Người								
19	Chi phí quản lý									

Biểu số 03
UBND huyện Chư Sê

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHƯƠNG TRÌNH 135 QUÝ III NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 479 ngày 30/9/2019 của UBND huyện Chư Sê)

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy mô		Vốn (tr.đ)				Lượt người tham dự (người)			Thời gian tổ chức (số ngày)	Vốn thực hiện (tr.đ)	Vốn giải ngân	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Tổng vốn	NSTU (CT 135)	NSĐP	NV Khác	Cán bộ xã	Cán bộ thôn	Người dân				
1	2	3	4	5	(6=7+8+9)	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG														
1	Số lượng hội nghị tập huấn	Số lớp	4		230	230			11	180	90	12	230	230	
2	Chia sẻ kinh nghiệm, tham quan, học tập về nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở trong và ngoài tỉnh.	Số chuyển tham quan, học tập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2019 CHƯƠNG TRÌNH MTQG THEO TỪNG DỰ ÁN

(Kèm theo Báo cáo số 409/BC-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Chư Sê)

Đơn

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH năm 2019			Khối lượng thực hiện Kế hoạch năm 2019 tính từ 01/01 năm 2019 đến 20/9/2019	Giải ngân Kế hoạch năm 2019 từ 01/01 năm 2019 đến 20/9/2019			So với kế hoạch năm 2019 (%)			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Khối lượng thực hiện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giải ngân	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ				9.400	7.723	10.895	10.895	-	7.083	6.781	6.781	#REF!	65,0%	62,2%	62,2%	
B	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG				9.400	7.723	10.895	10.895	-	7.083	6.781	6.781	-	65%	62%	62%	
I	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN				9.400	7.723	7.723	7.723	-	5.685	5.384	5.384	-	74%	70%	70%	
1	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG				7.765,0	7.021,0	7.021,0	7.021,0	0,0	5.119,3	4.817,9	4.817,9	0,0	73%	69%	69%	-
1.1	Đường giao thông làng U Diếp	7762231	2019	41/QĐ-UBND ngày 28/5/2019	468,0	124,0	124,0	124,0		124	124,0	124,0		100%	100%	100%	
1.2	Đường giao thông làng Ser Dơ Mỏ	7762232	2019	43/QĐ-UBND ngày 28/5/2019	506,0	504,0	504,0	504,0		491	490,9	490,9		97%	97%	97%	
1.3	Đường giao thông làng Chư Ruối Sul	7762239	2019	42/QĐ-UBND ngày 28/5/2019	443,0	441,0	441,0	441,0		405	404,7	404,7		92%	92%	92%	
1.4	Đường nội đồng làng Kueng Đơn	7760636	2019	151/QĐ-UBND ngày 29/5/2019	1.071	1.069	1.069	1.069		1.056	1.056,4	1.056,4		99%	99%	99%	
1.5	Đường giao thông làng Tung Ke đi làng Vơng Chép	7757285	2019	79/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	1.288	1.283	1.283	1.283		605	605,0	605,0		47%	47%	47%	
1.6	Đường giao thông thôn Blo Hung	7759873	2019	79/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	210	143,0	143,0	143,0		83	83,1	83,1		58%	58%	58%	
1.7	Đường giao thông làng Koái	7759886	2019	108/QĐ-UBND ngày 27/5/2019	336	230,0	230,0	230,0		188	188,0	188,0		82%	82%	82%	
1.8	Đường giao thông thôn Tok Rôh	7759887	2019	110/QĐ-UBND ngày 27/5/2019	210	143,0	143,0	143,0		54	54,2	54,2		38%	38%	38%	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH năm 2019			Khối lượng thực hiện Kế hoạch năm 2019 tính từ 01/01 năm 2019 đến 20/9/2019	Giải ngân Kế hoạch năm 2019 từ 01/01 năm 2019 đến 20/9/2019			So với kế hoạch năm 2019 (%)			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Khối lượng thực hiện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giải ngân	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước
1.9	Đường giao thông làng Mung Hlủ	7760634	2019	109/QĐ-UBND ngày 27/5/2019	411	284,0	284,0	284,0	102	102,3	102,3	36%	36%	36%			
1.10	Đường giao thông làng Rìng Ràng	7762217	2019	109/QĐ-UBND ngày 27/5/2019	202	200	200	200	60			30%	0%	0%			
1.11	Đường giao thông làng Tào Ròong	7759872	2019	144a/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	609	600	600	600	557	557,4	557,4	93%	93%	93%			
1.12	Đường giao thông làng Ka	7759921	2019	57/QĐ-UBND ngày 30/5/2019	201	200	200	200	60			30%	0%	0%			
1.13	Đường giao thông làng Amo xã Bờ Ngoong	7760867	2019	228a/QĐ-UBND ngày 30/5/2019	201	200	200	200	200	200,0	200,0	100%	100%	100%			
1.14	Đường giao thông làng Blút Roh	7759922	2019	41/QĐ-UBND ngày 29/5/2019	401	400	400	400	320	198,6	198,6	80%	50%	50%			
1.15	Đường giao thông làng Ia Doa	7759923	2019	42/QĐ-UBND ngày 29/5/2019	401	400	400	400	397	396,6	396,6	99%	99%	99%			
1.16	Đường giao thông làng Grai Mek, xã Chư Pông	7765225	2019	104/QĐ-UBND ngày 15/6/2019	302	300	300	300	176	176,3	176,3	59%	59%	59%			
1.17	Đường giao thông làng Ia Bâu, xã Chư Pông	7765226	2019	103/QĐ-UBND ngày 15/6/2019	302	300	300	300	180	180,4	180,4	60%	60%	60%			
1.18	Đường giao thông làng Vel	7765227	2019	113/QĐ-UBND ngày 15/6/2019	203	200	200	200	60			30%	0%	0%			
2	NGÂN SÁCH TỈNH				1.635	702	702	702	0	566	566	566	0	81%	81%	81%	
2.1	Đường giao thông làng U Diếp	7762231	2019	41/QĐ-UBND ngày 28/5/2019	468,0	342	342	342	332	332	332,1	97%	97%	97%			
2.2	Đường giao thông thôn Bô Hưng	7759873	2019	79/QĐ-UBND ngày 14/5/2019	210	65,0	65,0	65,0	42	42	42,0	65%	65%	65%			
2.3	Đường giao thông làng Koái	7759886	2019	108/QĐ-UBND ngày 27/5/2019	336	103,0	103,0	103,0				0%	0%	0%			
2.4	Đường giao thông thôn Tok Rôh	7759887	2019	110/QĐ-UBND ngày 27/5/2019	210	65,0	65,0	65,0	65	65	65,0	100%	100%	100%			

Handwritten signature

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			KH năm 2019			Khối lượng thực hiện Kế hoạch năm 2019 tính từ 01/01 năm 2019 đến 20/9/2019	Giải ngân Kế hoạch năm 2019 từ 01/01 năm 2019 đến 20/9/2019			So với kế hoạch năm 2019 (%)			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Khối lượng thực hiện	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Giải ngân	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước
2.5	Đường giao thông làng Mung Hú	7760634	2019	109/QĐ-UBND ngày 27/5/2019	411	127,0	127,0	127,0	127	127	127,0		100%	100%	100%		
II	VỐN SỰ NGHIỆP						3.172	3.172	0	1.397	1.397	1.397	0	44%	44%	44%	
1	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG						2.943	2.943	0	1.397	1.397	1.397	0	47%	47%	47%	
1.1	Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bản						494	494					0%	0%	0%		
1.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ĐBKK, xã biên giới; các thôn, làng ĐBKK						1.751	1.751		466	466	466	27%	27%	27%		
1.3	Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã ĐBKK, xã biên giới; thôn, làng ĐBKK						230	230		756	756	756,0	329%	329%	329%		
1.4	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135						291	291		79	79,2	79,2	27%	27%	27%		
1.5	Hoạt động truyền thông về giảm nghèo						55	55		30	30	30,0	55%	55%	55%		
1.6	Dự án nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình						122	122		66	66	66,0	54%	54%	54%		
2	NGÂN SÁCH TỈNH						229	229	0	0	0	0	0	0%	0%	0%	
2.1	Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bản						49	49					0%	0%	0%		
2.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ĐBKK, xã biên giới; các thôn, làng ĐBKK						175	175					0%	0%	0%		
2.3	Hoạt động truyền thông về giảm nghèo						5	5					0%		0%		